

Bản án số: 425/2021/HS-ST
Ngày 31-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Hoàng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 452/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 441/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức H, sinh năm 1998 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 4 (nay là xóm 2), xã Trảng S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức B và bà Phùng Thị T (chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2020.

2. Phan Sỹ P, sinh năm 1986 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 7/5 tổ 1, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Sỹ Th và bà Nguyễn Thị C; bị cáo vợ tên Nguyễn Thị Th và hai người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/10/2021.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Trần P, sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Cù Thanh T, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Huỳnh Đăng L, sinh năm: 1963, nơi cư trú: Số 10, đường 53, phường Tân T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trịnh Văn T, sinh năm: 1982, nơi cư trú: 136/31/25 đường ĐX013, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng L; địa chỉ trụ sở: K110 đường N, khu phố 8, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Hữu L, là Giám đốc - Ủy quyền cho bà Trần Thị Thanh L, sinh năm: 1988, nơi cư trú: K110/70 N, khu phố 8, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ông L, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Văn L, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Ấp T phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; tạm trú: Số 38 Đại lộ Bình Dương, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Ông Lê Hữu X, sinh năm: 1992, nơi cư trú: 238A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

- Ông Võ Xuân P, sinh năm: 1984 (Giám đốc công ty TNHH Cơ khí xây dựng thương mại V). Địa chỉ: Số 101/22 đường số 11, phường T, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị B, sinh năm: 1975, nơi cư trú: Xóm 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Ông Trương Văn P, sinh năm: 1999, nơi cư trú: Xóm 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Cảnh N, sinh năm: 1993, nơi cư trú: Xóm 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ 31, khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Xóm 7 (nay là xóm 4), xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 461/4 đường H, khu phố T, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1987, nơi cư trú: Xóm 8, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 461/4 đường H, khu phố T, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Ông Phan Hữu H, sinh năm: 1978, nơi cư trú: 2G Đ, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Dương Văn H, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 7/5 tổ 1, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác.

Người làm chứng: Lê Minh M, sinh năm: 1988. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức H có mối quan hệ quen biết với nhiều người kinh doanh, mua bán vật liệu xây dựng và do thiếu tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức dùng thủ đoạn gian dối để giao số lượng sắt, thép không đủ và không thực hiện giao dịch để chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài, Phan Sỹ P là anh rể của H biết rõ việc H sẽ cất sắt, thép giao thiếu nhưng vẫn phụ giúp, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Nguyễn Đức H có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Trần P vào ngày 16/4/2019 và ngày 18/6/2019.

Vào khoảng đầu tháng 4/2019, Nguyễn Đức H lấy tên giả Nguyễn Văn Quý là giám đốc Công ty TNHH Thép Phú Quý, địa chỉ phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đăng thông tin trên mạng xã hội Facebook bán hàng sắt, thép giá rẻ hơn so với thị trường để thu hút người đặt mua, thực tế công ty do H đăng không có thật. Đến ngày 12/4/2019, ông Trần P liên lạc cho H để đặt mua sắt thép. Ông P đặt mua sắt phi 6 và phi 8 Việt Nhật là 2.985kg, sắt phi 10 Việt Nhật là 200 cây, sắt phi 12 Việt Nhật là 200 cây, sắt phi 14 Việt Nhật là 200 cây, sắt phi 16 Việt Nhật là 100 cây, sắt phi 10 Đông Nam Á là 200 cây, sắt phi 12 Đông Nam Á là 200 cây, sắt phi 14 Đông Nam Á là 200 cây, sắt phi 16 Đông Nam Á là 100 cây với tổng thành tiền 227.997.000 đồng. Thực hiện ý định chiếm đoạt, H bàn bạc cùng Tăng Thế Toàn mua sắt nơi khác về cắt ra đoạn nhỏ, hàn thành bó độn vào giữa những thanh sắt cho đủ chiều dài và trọng lượng khách yêu cầu nhằm qua mặt khách hàng khi kiểm đếm. H và Toàn thuê chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hino biển số: 51C-684.5 của ông Nguyễn Văn P do ông Nguyễn Hữu N làm tài xế để chở hàng đi giao. Đến ngày 16/4/2019, ông P đi đến cửa hàng An Phú Thịnh, địa chỉ tổ 1, khu phố 4, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương gặp H để nhận hàng sắt thép theo thỏa thuận. Tại đây, ông P thấy số hàng sắt mình mua đã trên xe, ông P cùng H đếm phần đầu thanh sắt để tính số lượng, không lấy từng thanh sắt kiểm tra, thấy số lượng đủ, ông P thanh toán tiền cho H tại quán cà phê gần cửa hàng An Phú Thịnh tổng số tiền 227.997.000 đồng. Sau đó, H cùng tài xế N điều khiển xe ô tô chở hàng đến nhà của ông P giao. H dùng thủ đoạn gian dối trên đã giao thiếu sắt cho ông P số lượng sắt phi 6 Việt Nhật 1.200 kg, sắt phi 10 Việt Nhật 70 cây, sắt phi 12 Việt Nhật 80 cây, sắt phi 14 Việt Nhật 90 cây, sắt phi 16 Việt Nhật 45 cây, sắt phi 10 Đông Nam Á 70 cây, sắt phi 12 Đông Nam Á 80 cây, sắt phi 14 Đông Nam Á là 90 cây, sắt phi 16 Đông Nam Á là 45 cây, chiếm đoạt tài sản lấy tiền tiêu xài.

Cũng với thủ đoạn như trên, vào ngày 18/6/2019, ông Trần P tiếp tục liên lạc với H để mua sắt thép xây dựng. Ông P đặt mua của H sắt phi 6 và phi 8 Việt Nhật là 3.065 kg, sắt phi 12 Việt Nhật là 199 cây, sắt phi 14 Việt Nhật là 200 cây, sắt phi 16 Việt Nhật là 100 cây, sắt phi 10 Đông Nam Á là 200 cây, sắt phi 12 Đông Nam Á là 200 cây, kẽm Đông Nam Á là 100 kg với tổng thành tiền là 164.494.000 đồng. H dùng thủ đoạn gian dối trên đã giao thiếu ông P số lượng sắt gồm sắt phi 6 và 8 Việt Nhật thiếu 1300 kg, sắt phi 12 Việt Nhật là 80 cây, sắt phi 14 Việt Nhật là 90 cây, sắt phi 16 Việt Nhật là 45 cây, sắt phi 10 Đông Nam Á là 70 cây, sắt phi 12 Đông Nam Á là 80 cây để chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài.

Đến ngày 01/9/2019, ông Trần P làm đơn tố giác Nguyễn Đức H đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt đến cơ quan Công an.

Biên bản định giá và Kết luận định giá tài sản ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự thành phố Thuận An kết luận: 1250kg loại sắt phi (φ) 6 sắt Việt Nhật có trị giá 16.812.500 đồng, 1250kg loại sắt phi (φ) 8 sắt Việt Nhật có trị giá 16.812.500 đồng, 70 cây sắt phi (φ) 10 sắt Việt Nhật có trị giá 6.475.000 đồng, 160 cây sắt phi (φ) 12 sắt Việt Nhật có trị giá 20.960.000 đồng, 180 cây sắt phi (φ) 14 sắt Việt Nhật có trị giá 32.130.000 đồng, 90 cây sắt phi (φ) 16 sắt Việt Nhật có trị giá 20.970.000 đồng, 140 cây sắt phi (φ) 10 sắt Đông Nam Á có trị giá 11.060.000 đồng, 160 cây sắt phi (φ) 12 sắt Đông Nam Á có trị giá 19.600.000 đồng, 90 cây sắt phi (φ) 14 sắt Đông Nam Á có trị giá 15.165.000 đồng, 45 cây sắt phi (φ) 16 sắt Đông Nam Á có trị giá 9.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 169.885.000 đồng.

Vụ thứ hai: Nguyễn Đức H có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Cù Thanh T vào khoảng tháng 5/2019.

Vào khoảng tháng 5/2019, ông Cù Thanh T lên mạng Internet để tìm kiếm mua mặt hàng sắt thép xây dựng, qua tìm kiếm ông Toàn biết được Nguyễn Đức H tự xưng là tên Xếp có sử dụng số điện thoại 0763409222 nên ông T liên lạc cho H đặt mua số lượng sắt phi 12 là 120 cây, sắt phi 18 là 32 cây, sắt phi 14 là 100 cây, sắt phi 6 là 200 kg, sắt phi 8 là 100 kg, đinh là 50 kg, đai sắt 15x25cm là 1000 cái, đai sắt 15x15cm là 1000 cái với tổng số tiền 73.000.000 đồng. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt, H bàn bạc cùng Tăng Thế Toàn mua sắt, thép nơi khác cắt ngắn độn vào những thanh sắt, thép dài để qua mặt người mua nhằm chiếm đoạt. Cả hai thuê chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hino biển số: 51C-684.58 của ông Nguyễn Văn P được tài xế Nguyễn Hữu N, điều khiển xe chở hàng đi giao. Sau đó, H liên lạc ông T đi đến địa chỉ: số 461/3, đường Hồ Văn Mên, khu phố Thạnh Bình, phường An Thạnh, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương để kiểm tra hàng trước khi chở đi giao. Tại đây, số lượng hàng do ông T mua đã để sẵn trên xe ô tô nên ông T kiểm đếm sắt thép, do thiếu chú ý nên ông T chỉ kiểm đếm qua loa thấy đủ số lượng, ông T đặt cọc 10.000.000 đồng cho H, Toàn và khi giao hàng xong thì thanh toán đủ số tiền còn lại. Toàn cùng tài xế N điều khiển xe ô tô chở hàng đến địa chỉ: số 442, ấp Rạch Bắp, xã An Tây, Bến Cát, Bình Dương giao cho ông T rồi nhận số tiền 63.000.000 đồng đi về. H và Toàn dùng thủ đoạn gian dối đã giao thiếu với số lượng sắt thép là sắt phi 12 là 70 cây; sắt phi 8 là 12 cây; sắt phi 14 là 50 cây; sắt phi 6 và phi 8 là 150kg; Đai sắt 15x25cm là 500 cái; Đai sắt 15x15cm là 500 cái để chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Ngày 31/8/2019, ông Cù Thanh T làm đơn tố giác Nguyễn Đức H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Công an.

Biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản ngày 04/12/2020 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự thành phố Thuận An kết luận: Tài sản bị chiếm đoạt gồm 75 kg sắt phi (φ) 6 có trị giá 933.750 đồng, 75 kg sắt phi (φ) 8 có trị giá 933.750 đồng, 12 cây sắt phi (φ) 18 có trị giá 3.348.000 đồng, 70 cây sắt phi (φ) 12 có trị giá 8.575.000 đồng, 50 cây sắt phi (φ) 14 có trị giá 8.425.000 đồng, 500 cái đai sắt 15x25cm loại 5 cái/01kg có trị giá 1.320.000 đồng; 500 cái đai sắt 15x25cm loại 7 cái/01 kg có trị giá 942.480 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 24.477.980 đồng.

Vụ thứ ba: Nguyễn Đức H có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Văn Q vào ngày 18/7/2019.

Vào ngày 17/7/2019, ông Nguyễn Văn Q, qua giới thiệu bạn bè biết được Nguyễn Đức H lấy tên giả là Lê Hữu Xếp có bán sắt, thép giá rẻ hơn thị trường nên liên lạc để mua. Ông Q đồng ý mua của Hiền thép phi 14 số lượng 662 cây tổng số tiền 115.800.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, Hiền bàn bạc cùng Tăng Thế Toàn mua

thép nơi khác cắt ngắn độn vào những thanh thép dài để qua mặt người mua nhằm chiếm đoạt. Toàn thuê xe ô tô cầu (chưa rõ biển số, chủ xe và tài xế) bỏ hàng lên xe chờ để chở đi giao. Đến ngày 18/7/2019, H liên lạc cho ông Quý đến địa chỉ đường Hồ Văn Mên thuộc phường An Thạnh, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương để kiểm đếm và nhận số lượng hàng đã mua. Tại đây, H và ông Q cùng kiểm đếm số đầu thép, do thiếu chú ý ông Q chỉ đếm đầu thép mà không kiểm tra số lượng thép từng cây nên đồng ý nhận. H, Toàn và ông Q đi qua quán cà phê sát bên H viết hóa đơn bán lẻ thành tiền và ký giả tên Lê Hữu Xếp bên dưới, nhận tiền của ông Q 115.800.000 đồng. H dùng thủ đoạn gian dối đã giao thiếu thép phi 14 là 300 cây nhằm chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài. Sau khi đã nhận tiền, H cùng tài xế xe ô tô cầu chở hàng đến giao cho ông Q tại địa chỉ ấp 2, xã Tân Hiên, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương rồi đi về.

Đến ngày 20/7/2019, ông Nguyễn Văn Q kiểm đếm lại số lượng thép phát hiện thiếu 300 cây sắt nên ông Q tố giác Nguyễn Đức H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Công an.

Biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản ngày 04/12/2020 của Hội đồng định giá trong Tố tụng Hình sự thành phố Thuận An kết luận: 300 cây thép phi (φ) 14 có trị giá 50.550.000 đồng.

Vụ thứ tư: Nguyễn Đức H có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Huỳnh Đăng L vào ngày 01/8/2019.

Vào ngày 30/7/2019, ông Huỳnh Đăng L liên lạc với ông Bùi Văn L là nhân viên kinh doanh bán hàng sắt, thép của Công ty TNHH Cơ khí Hồng Thịnh, địa chỉ số 38B, Đại lộ Bình Dương, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để mua sắt, kẽm cột thì ông L đồng ý. Ông L gửi bảng báo giá đơn hàng với tổng số tiền là 67.781.000 đồng cho ông L xem. Ông L kiểm tra thấy tại công ty không còn loại sắt mà ông L cần mua, ông L liên lạc cho ông L biết và giới thiệu Nguyễn Đức H cho ông L để cả hai tự liên lạc trao đổi, thỏa thuận mua bán sắt dựa trên cơ sở bảng báo giá của Công ty Cơ khí Hồng Thịnh. Sau đó, H do thiếu tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, dù không có sắt để bán nhưng vẫn liên lạc cho ông L tự giới thiệu tên Lê Hữu Xếp để thỏa thuận việc mua bán sắt, phương thức thanh toán và giao nhận hàng thì ông L đồng ý. H yêu cầu ông L chuyển 6.000.000 đồng tiền tạm ứng trước vào tài khoản của mình thì mới giao sắt. Đến ngày 01/8/2019, ông L đã chuyển số tiền tạm ứng 6.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Lê Hữu Xếp, số TK 1101002222222, ngân hàng An Bình chi nhánh Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thông qua tài khoản của giám đốc Công ty Võ Xuân mang tên Võ Xuân P. Sau khi nhận được tiền thì H chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết, không giao sắt như đã thỏa, tắt máy điện thoại trốn thoát.

Đến ngày 06/8/2019, ông Huỳnh Đăng L tố giác Nguyễn Đức H đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến cơ quan công an.

Vụ thứ năm: Nguyễn Đức H có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt của Công ty TNHH Tư Vấn Kiến Trúc Xây Dựng L do bà Trần Thị Thanh L đại diện vào ngày 15/8/2019.

Vào ngày 14/8/2019, Nguyễn Đức H lấy tên giả là Nguyễn Văn Ba liên lạc với bà Trần Thị Thanh L để thỏa thuận mua bán sắt, thép. Trên cơ sở hợp đồng mua bán sắt thép giữa Công ty TNHH Tư Vấn Kiến Trúc Xây Dựng L, địa chỉ: K110/70 Nguyễn Tri Phương, khu phố 8, phường Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương do bà L là đại diện và Công ty TNHH Kinh Doanh Vật Tư Xây Dựng Hoàng Gia, địa chỉ số 92 Bis, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương do bà Trần Thị B làm giám đốc. Bà L thấy giá thép rẻ hơn thị trường nên đồng

ý mua sắt thép của H có hóa đơn, đặt mua gồm thép phi 6 là 735kg, thép phi 10 là 202 cây, thép phi 14 là 544 cây, thép phi 16 là 168 cây, Đinh và kẽm là 150 kg; thép phi 8 là 660kg tổng số tiền 179.058.000 đồng. Để thực hiện ý định chiếm đoạt, H cùng Trương Văn P là con ruột bà B bàn bạc với nhau mua thép nơi khác về cắt thành đoạn nhỏ, hàn bó đẽ vào những thanh thép đủ chiều dài, trọng lượng nhằm qua mắt người mua khi kiểm đếm chiếm đoạt tài sản. Cả hai thuê xe ô tô và tài xế (chưa rõ nhân thân, lai lịch) xếp hàng sắt thép lên xe đẽ chuẩn bị trước khi chở đi giao. Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 15/8/2019, H, T và tài xế xe ô tô chở hàng giao cho bà L tại công trình xây dựng, lúc này hàng vẫn còn đẽ trên xe ô tô. Lúc này, bà L chỉ kiểm đếm số đầu sắt, không kiểm tra số lượng từng thanh sắt, thiếu chú ý nên đồng ý nhận đủ số hàng trên và chuyển tiền vào tài khoản số 050077577561 của Công ty TNHH Kinh Doanh vật liệu xây dựng Hoàng Gia. Hiền và P dùng thủ đoạn gian dối giao thiếu cho bà L thép phi 10 là 103 cây, thép phi 16 là 80 cây, thép phi 14 là 203 cây để chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài.

Sau khi nhận hàng, bà L cùng công nhân thấy số lượng sắt thép ít nên kiểm đếm lại phát hiện số lượng thép giao thiếu, vào ngày 31/8/2019, bà L làm đơn tố giác Nguyễn Đức H có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Công an.

Biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá trong Tố tụng Hình sự thành phố Thuận An kết luận: 103 cây thép phi (φ) 10 có trị giá 8.137.000 đồng, 203 cây thép phi (φ) 14 có trị giá 34.205.500 đồng, 80 cây thép phi (φ) 16 trị giá 17.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 59.942.500 đồng.

Vụ thứ sáu: Nguyễn Đức H, Phan Sỹ P đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt của bị hại ông Trịnh Văn T vào ngày 31/8/2019.

Vào sáng ngày 28/8/2019, ông Trịnh Văn T lên mạng Internet để tìm kiếm mua mặt hàng sắt thép xây dựng, qua tìm kiếm ông T biết và liên lạc cho Tăng Thế Toàn tự xưng là Đại để hỏi mua sắt thép. Ông T thấy giá sắt, thép mà bên Toàn bán rẻ hơn so với thị trường nên đồng ý mua. Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 28/8/2019, theo sự bàn bạc chỉ đạo của Toàn thì Nguyễn Đức H đưa hợp đồng mua bán sắt thép cho ông T tại quán cà phê Happy trên đường Mỹ Phước - Tân Vạn thuộc phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Theo hợp đồng, ông T đặt mua thép phi 6 là 600 kg, thép phi 8 là 5000kg, thép phi 12 là 70 cây, thép phi 14 là 60 cây, thép phi 18 là 320 cây, Đại tai dè 700kg, kẽm buộc 50kg với tổng số tiền 195.185.000 đồng, hợp đồng được ký tên Tăng Thế Toàn và ông Trịnh Văn T, thỏa thuận giao hàng sáng ngày 31/8/2019. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt, H nhắn tin qua Zalo cho anh rể là Phan Sỹ P với nội dung “Sắt Việt Nhật D18=320-160, D14=60-25, D12=70-25, D6=350kg-1 cục, D8=7 cục 350 kg, kẽm 50 kg, Đại 15*25=1500”, khi xem tin nhắn P biết được H dùng thủ đoạn gian dối giao thiếu sắt, thép cho khách hàng nhằm chiếm đoạt tiền, do là anh rể của H nên P đồng ý phụ giúp. Lúc này, P chỉ đạo nhân viên Nguyễn Đức C cắt những đoạn sắt ngắn dài khoảng 20cm theo từng loại mà H yêu cầu đẽ bó trộn vào thanh sắt dài, trọng lượng nhằm qua mắt người mua khi kiểm đếm để chiếm đoạt tài sản. Sau đó, H thuê xe ô tô biển số: 51C1-684.58 của ông Nguyễn Văn P để cầu hàng lên xe do tài xế Nguyễn Hữu N điều khiển chở hàng đi giao. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 31/8/2019, H cùng Nguyễn Cảnh N, do Toàn gọi cùng đi với H đến Công ty An Phú Thịnh, địa chỉ: đường 22/12, khu phố 4, phường An Phú, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, Bình Dương đẽ cùng chủ xe và tài xế chở hàng đẽ chuẩn bị sẵn trên xe giao cho ông T tại phía trước Công ty An Phú Thịnh thì ông T có nghi ngờ việc giao thép không đủ số lượng nên yêu cầu kiểm tra lại hàng hóa mới giao tiền khi vận chuyển

đi công trình tại tỉnh Đắk Lắk. Lúc này, H lấy lý do phía trước công ty không đủ không gian cho ông T kiểm đếm và yêu cầu giao tại khu dân cư Việt-Sing, khu phố 4, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên đến nơi, do sợ ông T phát hiện hàng trên xe thiếu, H tiếp tục yêu cầu ông T đến địa điểm khác giao nhằm kéo dài thời gian, trên đường đi ông T đã báo cho lực lượng Công an phường An Phú đến kiểm tra, tạm giữ tang vật và mời tất cả về trụ sở làm việc. Qua kiểm tra số lượng hàng trên xe ô tô, H và Toàn giao thiếu cho ông T số lượng gồm 3180kg thép phi 6 và phi 8, 25 cây thép phi 12, 25 cây thép phi 14, 150 cây thép phi 18 để chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài. Cùng ngày, ông Trịnh Văn T làm đơn tố giác Nguyễn Đức H cùng đối tượng khác có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Công an.

Biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá trong Tố tụng Hình sự thành phố Thuận An kết luận: 25 cây thép phi (φ) 12 có trị giá 3.062.500 đồng, 25 cây thép phi (φ) 14 có trị giá 4.212.500 đồng, 150 cây thép phi (φ) 18 có trị giá 41.850.000 đồng. Căn cứ Biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong Tố tụng Hình sự thành phố Thuận An kết luận: 3180kg thép phi 6 và phi 8 có trị giá: 48.336.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là 97.461.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng hồng, sim số: 0763409222;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, sim số: 0961956908;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, sim số: 0938833888;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, sim số: 0855443535;

- 01 (một) chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hino biển số: 51C-684.58, số khung: JHDFG1JPU7XX13023, số máy: J08CF29827;

- Thép phi (φ) 6 và phi (φ) 8, Đai tai dê có trọng lượng 3.170kg;

- Sắt phi 14 dài 11,7 mét có 35 cây (trong đó có 25 cây sắt được hàn kép vào nhau thành hình ống có đoạn dài nhất 17cm, ngắn nhất 10cm);

- Sắt phi 12 dài 11,7 mét có 45 cây (trong đó có 25 cây sắt được hàn ghép vào nhau thành hình ống đoạn dài nhất 15cm, đoạn ngắn nhất 10cm);

- Sắt phi 18 dài 11,7 mét có 170 cây (trong đó 150 cây được hàn ghép với nhau thành hình ống đoạn dài nhất 19cm, đoạn ngắn nhất 12cm).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 màu tím của Nguyễn Văn Phúc.

Sau khi nhận tin tố giác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã tiến hành xác minh và ra Quyết định khởi tố các vụ án hình sự, Quyết định nhập vụ án; Quyết định khởi tố bị can Nguyễn Đức H, Phan Sỹ P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cáo trạng số 440/CT-VKS-TA ngày 29/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình

sự; truy tố bị cáo Phan Sỹ P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố và xác định: Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H phạm tội nhiều lần; bị cáo P phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H đã nhờ người thân bồi thường thiệt hại; bị cáo P phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; các bị cáo có người thân là người có công với Nhà nước; vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó bị cáo H là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P là đồng phạm giúp sức, vai trò không đáng kể.

Hành vi của bị cáo H và bị cáo P chiếm đoạt của ông Trịnh Văn T: 25 cây thép phi (φ) 12 có trị giá 3.062.500 đồng, 25 cây thép phi (φ) 14 có trị giá 4.212.500 đồng, 150 cây thép phi (φ) 18 có trị giá 41.850.000 đồng; 3180kg thép phi 6 và phi 8 có trị giá: 48.336.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 97.461.000 đồng nhưng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, nên đề nghị áp dụng Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Kiểm sát viên đề nghị: Xử phạt bị cáo H mức án từ 09 năm đến 10 năm tù; xử phạt bị cáo P mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với hành vi của bị cáo H chiếm đoạt của ông Huỳnh Đăng L 6.000.000 đồng, người thân của bị cáo đã bồi thường cho ông L, ông L không có yêu cầu gì khác; hành vi chiếm đoạt Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng L giá trị tài sản 59.942.500 đồng, người thân của bị cáo đã bồi thường cho Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng L 15.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại; hành vi chiếm đoạt của ông Cù Thanh T giá trị tài sản 24.477.980 đồng, người thân bị cáo H đã bồi thường 20.000.000 đồng và ông T không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại; hành vi chiếm đoạt của ông Trần P giá trị tài sản 169.885.000 đồng, người thân bị cáo H đã bồi thường 100.000.000 đồng và ông P không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại; hành vi chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Q giá trị tài sản 50.550.000 đồng, người thân bị cáo H đã bồi thường 20.000.000 đồng và ông Q không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị trả cho ông Phan Hữu H xe ô tô tải nhãn hiệu Hino biển số: 51C-684.58. Đề nghị trả cho ông Nguyễn Văn P chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 màu tím.

Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- Thép phi 6 và phi 8; đai tai dê có trọng lượng 3.170kg; sắt phi 14 dài 11,7 mét có 35 cây (trong đó có 25 cây sắt được hàn kép vào nhau thành hình ống có đoạn dài nhất 17cm, ngắn nhất 10cm); sắt phi 12 dài 11,7 mét có 45 cây (trong đó có 25 cây sắt được hàn ghép vào nhau thành hình ống đoạn dài nhất 15cm, đoạn ngắn nhất 10cm); sắt phi 18 dài 11,7 mét có 170 cây (trong đó 150 cây được hàn ghép với nhau thành hình ống đoạn dài nhất 19cm, đoạn ngắn nhất 12cm) .

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng hồng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng; 01 (một) chiếc điện thoại

di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen là tài sản của bị cáo Nguyễn Đức H sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy các sim số 0763409222, 0961956908, 0938833888, 0855443535 do bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo Hiền đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi bị hại, xin lỗi gia đình, xin Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Bị cáo Phương đã thể hiện ăn năn hối cải và xin được hưởng án treo để có cơ hội làm lại cuộc đời.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 20/12/2021, bị hại Huỳnh Đăng L trình bày sự việc và xác định người thân bị cáo đã bồi thường cho ông L 6.000.000 đồng, ông L không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đơn trình bày ngày 23/12/2021, ông Châu Hữu L là người đại diện theo pháp luật của bị hại Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng L xác định, người thân của bị cáo H đã bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng, Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 44.942.500 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đơn vắng mặt ngày 23/12/2021, ông Cù Thanh T xác định người thân của bị cáo H đã bồi thường cho ông T số tiền 20.000.000 đồng, ông T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đơn vắng mặt ngày 28/12/2021, ông Trần P xác định người thân của bị cáo H đã bồi thường cho ông P số tiền 100.000.000 đồng, ông P không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đơn vắng mặt ngày 28/12/2021, ông Nguyễn Văn Q xác định người thân của bị cáo H đã bồi thường cho ông Q số tiền 20.000.000 đồng, ông Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đơn xin vắng mặt ngày 20/12/2021 ông Trịnh Văn T trình bày nội dung sự việc như bản cáo trạng, do chưa bị thiệt hại nên ông T không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Hữu H, Nguyễn Văn P, Nguyễn Hữu N cùng trình bày: Xe ô tô tải nhãn hiệu Hino biển số: 51C-684.58 do ông Phan Hữu H đứng tên trên giấy đăng ký chủ sở hữu. Ông H cho ông Nguyễn Văn P thuê chiếc xe ô tô trên để làm phương tiện chở hàng thuê. Ông P giao xe cho Nguyễn Hữu N là tài xế điều khiển chở hàng sắt, thép cho bị cáo Nguyễn Đức H. Ông H, ông P, ông N không biết H sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, ông P, ông H đề nghị Tòa án trả lại xe ô tô trên cho ông H. Ông P xin được nhận lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 màu tím.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T là chị ruột bị cáo H, sau khi sự việc xảy ra bị cáo H có nhờ bà T liên hệ các bị hại để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Bà T đã bồi thường cho ông Cù Thanh T 20.000.000 đồng, bồi thường cho ông Huỳnh Đăng L 6.000.000 đồng, bồi thường cho ông Châu Hữu L là người đại diện theo pháp luật của bị hại Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng L số tiền 15.000.000 đồng, bồi thường cho ông Trần P 100.000.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q 20.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu bị cáo H hoàn trả lại số tiền đã bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức H, Phan Sỹ P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tình tiết như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt và vật chứng thu giữ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Đề có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019, bị cáo Nguyễn Đức H lên mạng xã hội Facebook lấy nhiều tên giả và tự xưng là giám đốc các Công ty mua bán sắt, thép để rao bán sắt, thép giá rẻ hơn so với giá thị trường nhằm thu hút khách hàng và nhiều lần thực hiện thủ đoạn gian dối cắt từng khúc sắt ngắn trộn lẫn sắt thép đúng tiêu chuẩn theo đơn đặt hàng của khách hàng để giao số lượng sắt, thép không đủ số lượng và không thực hiện giao dịch để chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài.

Bằng thủ đoạn trên bị cáo H đã chiếm đoạt của ông Trần P, gồm: 1250kg loại sắt phi 6 sắt Việt Nhật, 1250kg loại sắt phi 8 sắt Việt Nhật, 70 cây sắt phi 10 sắt Việt Nhật, 160 cây sắt phi 12 sắt Việt Nhật, 180 cây sắt phi 14 sắt Việt Nhật, 90 cây sắt phi 16 sắt Việt Nhật, 140 cây sắt phi 10 sắt Đông Nam Á, 160 cây sắt phi 12 sắt Đông Nam Á, 90 cây sắt phi 14 sắt Đông Nam Á, 45 cây sắt phi 16 sắt Đông Nam Á, giá trị tài sản chiếm đoạt là 169.885.000 đồng; chiếm đoạt của ông Cù Thanh T gồm: 75 kg sắt phi 6, 75 kg sắt phi 8, 12 cây sắt phi 18, 70 cây sắt phi 12, 50 cây sắt phi 14, 500 cái đai sắt 15x25cm loại 5 cái/01kg; 500 cái đai sắt 15x25cm loại 7 cái/01 kg, giá trị tài sản chiếm đoạt là 24.477.980 đồng; chiếm đoạt của Nguyễn Văn Q 300 cây thép phi 14, giá trị tài sản chiếm đoạt là 50.550.000 đồng; chiếm đoạt của Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc xây dựng L, gồm: 103 cây thép phi 10, 203 cây thép phi 14, 80 cây thép phi 16, giá trị tài sản chiếm đoạt là 59.942.500 đồng; chiếm đoạt của ông Huỳnh Đăng L là 6.000.000 đồng.

Ngày 31/8/2019, bị cáo Nguyễn Đức H thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt của ông Trịnh Văn T, gồm: 25 cây thép phi 12, 25 cây thép phi 14, 150 cây thép phi 18, 3180kg thép phi 6 và phi 8, giá trị tài sản chiếm đoạt là 97.461.000 đồng nhưng chưa thực hiện được thì bị bắt phạm tội quả tang.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 402.316.480 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Sỹ P biết bị cáo Nguyễn Đức H dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng đã giúp H cắt những đoạn sắt ngắn dài khoảng 20cm theo từng loại mà H yêu cầu để bó trộn vào thanh sắt dài, trọng lượng nhằm qua mắt người mua khi kiểm đếm để nhằm chiếm đoạt tài sản của ông Trịnh Văn T, gồm: 25 cây thép phi 12, 25 cây thép phi 14, 150 cây thép phi 18, 3180kg thép phi 6 và phi 8, giá trị tài sản chiếm đoạt là 97.461.000 đồng nhưng chưa thực hiện được thì bị bắt phạm tội quả tang. Hành vi của bị cáo Phan Sỹ P đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất lòng tin và nghi kỵ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất trật tự trị an và tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó bị cáo H là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P là đồng phạm giúp sức, nên tính chất nguy hiểm cho xã hội của bị cáo H cao hơn bị cáo P. Về cá thể hóa hình phạt: Bị cáo H phải chịu trách nhiệm đối với tất cả hành vi phạm tội đối với các bị hại; bị cáo P phải chịu trách nhiệm đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Trịnh Văn T.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo P phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H có cha là ông Nguyễn Đức B được tặng thưởng Huy chương vì an ninh Tổ quốc, Huy chương Chiến sỹ vẻ vang, có bác ruột là Nguyễn Đức T là liệt sỹ; bị cáo P có cậu là Nguyễn Bá H và Nguyễn Bá T là liệt sỹ nên được hưởng tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H đã tác động người thân bồi thường thiệt hại nên được hưởng thêm tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo P phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hành vi thực hiện thủ đoạn gian dối của các bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản của ông Trịnh Văn T vào ngày 31/8/2019 với giá trị tài sản là 97.461.000 đồng nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn là thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên áp dụng Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Xét bị cáo Phan Sỹ P thực hiện hành vi phạm tội là đồng phạm giúp sức, vai trò không đáng kể, bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo và việc không cách ly bị cáo P ra ngoài xã hội không gây nguy hiểm nên áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo P được hưởng án treo, tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục theo quy định pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt là tiền và sắt, thép các loại, cụ thể chiếm đoạt của ông Trần P giá trị tài sản chiếm đoạt là 169.885.000 đồng; chiếm đoạt của ông Cù Thanh T giá trị tài sản chiếm đoạt là 24.477.980 đồng; chiếm đoạt của Nguyễn Văn Q giá trị tài sản chiếm đoạt là 50.550.000 đồng; chiếm đoạt của Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc xây dựng L, giá trị tài sản chiếm đoạt là 59.942.500 đồng; chiếm đoạt của ông Huỳnh Đăng L là 6.000.000 đồng. Sau khi sự việc phạm tội xảy ra, chị của bị cáo H là bà Nguyễn Thị T đã bồi thường cho ông Huỳnh Đăng L số tiền 6.000.000 đồng, bồi thường cho ông Cù Thanh T số tiền 20.000.000 đồng; bồi thường Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc xây dựng L số tiền 15.000.000 đồng, bồi thường cho ông Trần P 100.000.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q 20.000.000 đồng. Ông T, ông P, ông Q, ông L và Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc xây dựng L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, bà T không yêu cầu bị cáo H hoàn trả số tiền đã bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hino biển số: 51C-684.58 là phương tiện bị cáo Hiền sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, qua điều tra xác định: Xe do ông Phan Hữu H đứng tên trên giấy đăng ký chủ sở hữu. Ông H đã cho ông Nguyễn Văn P thuê xe để làm phương tiện chở hàng thuê. Ông P giao xe cho Nguyễn Hữu N là tài xế điều khiển chở hàng sắt, thép cho bị cáo Nguyễn Đức H nhưng ông H, ông N, ông P không biết H sử dụng xe trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, không giúp H trong việc dùng thủ đoạn gian dối kiểm đếm, giao thiếu hàng cho khách nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với Ng, P, H nên trả lại chiếc xe này cho ông Phan Hữu H, nếu có tranh chấp về hợp đồng thuê xe thì giải quyết ở vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 màu tím của thu giữ của ông Nguyễn Văn P không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho ông Phúc.

Đối với thép phi 6 và phi 8, đai tai dê có trọng lượng 3.170kg; sắt phi 14 dài 11,7 mét có 35 cây (trong đó có 25 cây sắt được hàn kép vào nhau thành hình ống có đoạn dài nhất 17cm, ngắn nhất 10cm); sắt phi 12 dài 11,7 mét có 45 cây (trong đó có 25 cây sắt được hàn ghép vào nhau thành hình ống đoạn dài nhất 15cm, đoạn ngắn nhất 10cm); sắt phi 18 dài 11,7 mét có 170 cây (trong đó 150 cây được hàn ghép với nhau thành hình ống đoạn dài nhất 19cm, đoạn ngắn nhất 12cm) của bị cáo Nguyễn Đức H đã sử dụng thủ đoạn cắt sắt, thép ra đoạn nhỏ hàn thành bó với mục đích độn vào giữa những thanh thép đủ chiều dài để qua mắt chủ hàng khi kiểm đếm nhằm chiếm đoạt tiền, đây là tang vật của vụ án, nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng hồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen là tài sản của bị cáo Nguyễn Đức H sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với các sim số 0763409222, 0961956908, 0938833888, 0855443535 do bị cáo Nguyễn Đức H sử dụng vào việc phạm tội là tang vật của vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với Tăng Thế Toàn là người cùng bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội nhưng đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã tiến hành xác minh lai lịch địa chỉ nhưng chưa rõ hiện nay Toàn ở đâu. Đề nghị Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An tiếp tục xác minh, điều tra xử lý theo quy định pháp luật và sẽ giải quyết ở vụ án khác khi có căn cứ.

Đối với Trương Văn P là đối tượng mà H khai cùng với Hiền để chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng Lộc P nhưng P không thừa nhận, ngoài lời khai của H thì không có chứng cứ nào khác thể hiện P cùng H thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý đối với Trương Văn P.

Đối với bà Trần Thị B là giám đốc Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Hoàng Gia, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã xác minh nhưng hiện bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ xử lý sau.

Đối với đối tượng Nguyễn Cảnh N hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đang tiếp tục xác minh, khi nào rõ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Bùi Văn L là người đã giới thiệu bị cáo Nguyễn Đức H cho ông Huỳnh Đăng L để thỏa thuận mua bán sắt, nhưng ông L không biết bị cáo H chiếm đoạt tiền của ông L, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An không xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với các đối tượng khác tham gia phụ giúp bị cáo Nguyễn Đức H, Phan Sỹ P trong việc cắt khúc sắt thép và giao hàng sắt, thép cho bị hại, hiện chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đang tiếp tục xác minh, khi nào rõ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 48; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Đức H;

- Điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 48; Điều 15; Điều 57; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo áp dụng đối với bị cáo Phan Sỹ P;

- Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức H, Phan Sỹ P phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2020.

Xử phạt bị cáo Phan Sỹ P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 31/12/2021. Giao bị cáo

P cho Ủy ban nhân dân phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân phường An Phú phải thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để tiến hành thủ tục theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Trả cho ông Phan Hữu H xe ô tô tải hiệu Hino, biển số 51C-684.58, số khung JHDFG1JPU7XX13023, số máy J08CF29827 (hiện đang bảo quản tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An).

Trả cho ông Nguyễn Văn P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 màu tím (không xác định được số Imei).

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- Thép phi 6 và phi 8, đai tai dê có trọng lượng 3.170kg; sắt phi 14 dài 11,7 mét có 35 cây (trong đó có 25 cây sắt được hàn kép vào nhau thành hình ống có đoạn dài nhất 17cm, ngắn nhất 10cm); sắt phi 12 dài 11,7 mét có 45 cây (trong đó có 25 cây sắt được hàn ghép vào nhau thành hình ống đoạn dài nhất 15cm, đoạn ngắn nhất 10cm); sắt phi 18 dài 11,7 mét có 170 cây (trong đó 150 cây được hàn ghép với nhau thành hình ống đoạn dài nhất 19cm, đoạn ngắn nhất 12cm) (hiện đang bảo quản tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng hồng (không kiểm tra được số Imei);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng (không kiểm tra được số Imei);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen (không kiểm tra được số Imei);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei 357333087302711 và số Imei 3573480879844711;

Tịch thu tiêu hủy các sim số 0763409222, 0961956908, 0938833888, 0855443535.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2021)

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức H, Phan Sỹ P mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THA thành phố Thuận An;
- CQCSĐT Công an thành phố Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Thuận An;
- UBND phường An Phú, thành phố Thuận An;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ